

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 05 – 7 - 2022

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2022/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc “Xin ly hôn”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2022/QĐXX-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị B, sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện T1, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Thanh T, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Thanh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 2000. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Anh Bùi Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Hồ Thị B trình bày: Chị và anh Bùi Văn T sống chung năm 2018, đến năm 2021 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dân, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Sau kết hôn đến tháng 10/2021 phát sinh mâu thuẫn do anh T có quan hệ

tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng chấm dứt sống chung cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Chị và anh T có một con chung, cháu tên Bùi Trường V, sinh ngày 24/11/2018. Cháu sống với chị đến ngày 07/02/2022 anh T đến nói rước con đi chơi nhưng sau đó giữ cháu cho đến nay. Hiện anh T đi làm xa nhà nên gửi con cho người khác nuôi dưỡng. Nay yêu cầu giao cháu V cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm anh T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận cho chị Hồ Thị B được ly hôn anh Bùi Văn T.

Giao cháu Bùi Trường Vũ, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Hồ Thị B nuôi dưỡng. Buộc anh Bùi Văn T giao lại cháu Bùi Trường Vũ cho chị Hồ Thị B nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Bùi Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 10/5/2022 anh T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét cho anh được nuôi con và yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- *Anh Bùi Văn T trình bày:* Anh rút lại yêu cầu chia tài sản chung với chị B, giữ nguyên kháng cáo yêu cầu chấp nhận cho anh được trực tiếp nuôi con. Căn cứ kháng cáo xin được nuôi con chung, anh T cho rằng anh có công việc, thu nhập ổn định; Chị B đang sống phụ thuộc cha mẹ nơi ở, thu nhập nên không đủ điều kiện nuôi con chung.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Con chung chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến ngày 07/02/2022 thì anh T mượn đem gửi con cho người khác, hiện nay đã đưa cháu đi Bình Dương; xét thấy, chị B hoàn toàn có đủ khả năng để nuôi con, trong khi anh T gửi con cho người khác là không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm.

- *Chị Hồ Thị B trình bày:* Chị không chấp nhận kháng cáo, yêu cầu giữ y bản án sơ thẩm.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân tỉnh Cà Mau:* Anh T rút kháng cáo đối với yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này. Về yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu tên Bùi Trường V, sinh ngày 24/11/2018 của anh T là chưa phù hợp, bởi cháu V còn rất nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị B hiện có chỗ ở, có công việc và thu nhập ổn định. Án sơ thẩm buộc anh T giao con cho chị B trực tiếp nuôi dạy là có căn cứ. Đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ y bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Bùi Văn T thực hiện trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong việc yêu cầu, chứng minh tại vụ án. Án sơ thẩm xử lý quan hệ hôn nhân, nuôi con chung, không xử lý tài sản chung.

Phần quan hệ hôn nhân các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, đã có hiệu lực khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Đối với quan hệ về tài sản không được xử lý do lỗi của anh T như đã nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm anh T rút kháng cáo nên đình chỉ xét xử phúc thẩm phần này.

[2]. Xét kháng cáo về yêu cầu nuôi con chung:

Trong nội dung khởi kiện chị B yêu cầu được nuôi con chung, anh T không cung cấp tài liệu chứng cứ và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu nuôi con của chị B.

Theo đơn yêu cầu ngày 07/3/2022 của chị Hồ Thị B được Công an xã Nguyễn Phích, huyện U Minh ký xác nhận ngày 07/3/2022 có nội dung: Chị là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vũ khi anh chị mâu thuẫn, không còn sống chung. Anh T đến thăm cháu Vũ, nói đưa cháu Bùi Trường Vũ đi chơi rồi dẫn cháu gởi cho vợ chồng ông Lê Cò Nộp trú tại xã Nguyễn Phích, huyện U Minh nuôi dưỡng, chị đến thăm, yêu cầu được giữ cháu thì không được ông Nộp giao con với lý do cháu Vũ là do anh T gởi.

Việc anh T gởi cháu Vũ cho vợ chồng ông Nộp nuôi như trình bày của chị B là có thật, anh T thừa nhận nhưng cho rằng anh tạm gởi cháu để sắp xếp việc gia đình, hiện cháu V do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T làm như vậy là không giữ

đúng thỏa thuận với chị B trong thời gian anh đưa cháu Vũ đi, hạn chế quyền tiếp xúc, nuôi dạy con của chị B đối với cháu Vũ là có thật.

Hồ sơ vụ án thể hiện chị B hiện có việc làm, có nơi ở, thu nhập ổn định để nuôi con.

Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của anh T, giao cháu Bùi Trường Vũ cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm thời không xem xét trách nhiệm cấp dưỡng theo yêu cầu của chị B, sau này nếu thấy cần thiết chị B có thể thỏa thuận hoặc khởi kiện anh T để yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định.

[3]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với quan điểm xử lý vụ án của Hội đồng xét xử nên không nhận xét lặp lại.

[4]. Án phí phúc thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu chia tài sản chung do anh Bùi Văn T rút kháng cáo.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Bùi Văn T đối với yêu cầu sửa án sơ thẩm về việc nuôi con chung. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 103/2022/HNGĐ-ST ngày 25/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho chị Hồ Thị B ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Giao cháu Bùi Trường Vũ, sinh ngày 24/11/2018 cho chị Hồ Thị B trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc anh Bùi Văn T giao cháu Bùi Trường Vũ cho chị Hồ Thị B nuôi dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Bùi Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí:

Chị Hồ Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ngày 10/02/2022, chị B đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0011983 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ được chuyển thu.

Anh Vũ phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Ngày 10/5/2022, anh Vũ dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012415 tại Chi cục thi hành án huyện Đ được chuyển thu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Yên

